TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **22/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01/4/2019
V/v: "Xin ly hôn,
tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Tiến

Bà Đoàn Thị Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số: 398/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018, về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Huỳnh Ý N, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 74/27 đường T, khu phố 4, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Trần Hiếu N1, sinh năm 1993 (vắng mặt)

HKTT: Số nhà 74/27 đường T, khu phố 4, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 839/1/12 đường N, khu phố 5, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Lê Huỳnh Ý N trình bày:

Tôi và anh N1 tự quen biết được khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/7/2016.

Sau khi cưới vợ chồng sống với gia đình chị N tại số nhà 74/27 đường T, khu phố 4, phường A, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N1 thường xuyên uống rượu, về nhà hay đánh đập, chửi bới tôi và anh N1 hay ghen tuông vô cớ, tôi đã khuyên can Nều lần nhưng anh N1 vẫn không sửa đổi, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2018. Khoảng tháng 8 năm 2018 chúng tôi có làm đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, sau đó anh N1 không chịu đến Tòa án để giải quyết. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi làm đơn xin ly hôn với anh N1.

- Về con chung: Chị Lê Huỳnh Ý N xác định có 01 người con chung tên Trần Huỳnh Kim T, sinh ngày 01/6/2016, hiện đang sống với chị N. Chị N yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Huỳnh Ý N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Lê Huỳnh Ý N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Hiếu N1 đã được Toà án tống đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà cho anh Trần Hiếu N1 theo đúng trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nhưng anh N1 không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Huỳnh Ý N khởi kiện yêu cầu "xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" với anh Trần Hiếu N1. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Trần Hiếu N1 vẫn vắng mặt không rõ lý do và chị N đồng ý xét xử vắng mặt anh N1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Trần Hiếu N1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N với anh N1 tự quen biết nhau và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và

được UBND phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/7/2016 theo quy định của pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh N1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị N và anh N1 không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Trong cuộc sống hàng ngày anh N1 thường xuyên kiếm chuyện chửi bới, uống rượu về đánh đập chị N Nều lần và anh N1 hay ghen tuông vô cớ, chị N đã khuyên can Nều lần nhưng anh N1 vẫn không sửa đổi, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2018. Trong thời gian chị N, anh N1 sống ly thân anh chị đã hàn gắn tình cảm vợ chồng 03 lần nhưng phía anh N1 vẫn không sửa đổi, nên lần này chị N cương quyết xin ly hôn với anh N1. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh N1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh N1 là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh N1.

[3] Về quan hệ con chung: Chị N xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Trần Huỳnh Kim T, sinh ngày 01/6/2016, hiện đang sống với chị N. Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì cháu Kim T sống chung với chị N. Nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trần Huỳnh Kim T cho chị N tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Huỳnh Ý N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[5] Về nợ chung: Chị Lê Huỳnh Ý N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

Anh N1 không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh N1 có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Huỳnh Ý N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Đều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Huỳnh Ý N được ly hôn với anh Trần Hiếu N1.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Trần Huỳnh Kim T, sinh ngày 01/6/2016 cho chị Lê Huỳnh Ý N được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Hiếu N1 có quyền, N1 vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh N1 thực hiện quyền này.

3/ Về tài sản chung: Chị Lê Huỳnh Ý N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị Lê Huỳnh Ý N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc chị Lê Huỳnh Ý N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị N được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000279 ngày 15/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

** Nơi nhận:*
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;

- Lưu hồ sơ./.

THẠCH SÔ PHÉP